

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

IMPROVING THE SOCIAL ASSISTANCE POLICIES FOR DISABLED PEOPLE IN KHANH HOA PROVINCE

Lê Trung Đạo, Nguyễn Quyết¹

Ngày nhận bài: 14/08/2020 Ngày chấp nhận đăng: 28/08/2020 Ngày đăng: 05/10/2020

Tóm tắt

Mục tiêu của bài viết này là phân tích thực trạng tiếp cận, kỳ vọng về trợ giúp xã hội (TGXH) của nhóm người khuyết tật đang được hưởng chính sách TGXH trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả cắt ngang, phân tích dựa trên dữ liệu khảo sát xã hội học để làm rõ những đặc điểm của nhóm người khuyết tật. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng đa phần những người được khảo sát nắm được các hỗ trợ của Nhà nước trợ giúp cho người khuyết tật (NKT) nhưng vẫn còn số lượng lớn không nhận được sự hỗ trợ, quan tâm của Nhà nước và kỳ vọng lớn nhất của nhóm này là được hỗ trợ chăm sóc sức khỏe.

Từ khóa: Tỉnh Khánh Hòa, trợ giúp xã hội, người khuyết tật, kỳ vọng của người khuyết tật.

Abstracts

The objective of this paper is to analyze the current status of social assistance access and expectations of disabled people who are being supported by social assistance policy in Khanh Hoa province. To clarify the characteristics of the group of people with disabilities, the method of cross-sectional descriptive statistics and sociological survey data are employed in the research. Research results show that most of them know about supports from the state, but still, a large number of people do not receive resources from the authority. What is more, the greatest expectations of this group are getting healthcare support.

Keywords: Khanh Hoa province, social assistance, disabled people, expectations of disabled people.

1. Giới thiệu

Khuyết tật là một khái niệm phức tạp, và từ “khuyết tật” thường được sử dụng mang nhiều nghĩa khác nhau trong ngữ cảnh khác nhau. Theo Woodhams, C., & Corby, S. (2003), người khuyết tật (NKT) là những người không có khả năng tự đảm bảo cho bản thân từng

phần hoặc toàn bộ các hoạt động của cá nhân của cuộc sống xã hội do sự thiếu hụt bẩm sinh hoặc không bẩm sinh về thể chất hay tâm thần của họ. Theo Grönvik, L. (2009), NKT là người mà triển vọng tìm giữ được một việc làm thích hợp, cũng như triển vọng tiến bộ về mặt nghề nghiệp đều bị giảm sút một cách rõ rệt, sau khi

¹ Trường Đại học Tài chính - Marketing

bị một trở ngại về mặt thể chất hoặc tinh thần và trở ngại đó đã được công nhận đúng mức. Theo Friedman, C., & Owen, A. L. (2017), NKT được nhận biết qua 3 thể dạng: tổn thương, hạn chế và sự bất lợi. Theo luật NKT Việt Nam năm 2010, NKT là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

Qua các khái niệm trên cho thấy NKT có những cách hiểu khác nhau, song nội hàm của những khái niệm đó ẩn chứa những đặc điểm sau: (i) NKT là những người bị thiếu, hỏng, không bình thường về thể chất hoặc tâm thần do nhiều nguyên nhân khác nhau; (ii) khả năng hoạt động bị suy giảm, điều này khiến cho cuộc sống của họ gặp nhiều khó khăn. Từ những đặc điểm đó, quan điểm của Đảng và Nhà Nước trong xây dựng chính sách về NKT (Luật NKT năm 2010, NĐ 136/1013/NĐ-CP) là đảm bảo an toàn cuộc sống cho mọi người dân trước những biến động về kinh tế, xã hội và những bất lợi của cuộc sống NKT. NKT không phải là gánh nặng của xã hội, họ cũng có niềm tin giá trị mong muốn đóng góp cho xã hội, nhưng họ bị hạn chế về cơ hội tham gia, Nhà nước, cộng đồng, xã hội cần quan tâm tạo cơ hội cho họ tham gia phát triển và hòa nhập.

Mục đích của bài viết này là khảo sát, đánh giá thực trạng, nhu cầu kỳ vọng của NKT trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Từ kết quả nghiên cứu sẽ gợi ý những giải pháp, định hướng hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn tới.

2. Thực trạng chính sách trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Khánh hòa hiện nay

Theo Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội Khánh Hòa (2018), toàn tỉnh hiện có 36.795 NKT, chiếm 3,11% dân số. Tỷ lệ NKT trong độ tuổi lao động là 55%. Trong số đó, số NKT có việc làm chỉ chiếm 27,1%. Đa số việc làm của NKT là do họ tự tạo ra, chủ yếu là: sửa chữa đồ điện tử, may mặc, sửa khóa, xoa bóp, làm đẹp, thủ công mỹ nghệ, bán vé số, phụ bán hàng... với mức thu nhập thấp khoảng 2,5 triệu đồng/người/tháng. Với thực tế đó, để tạo điều kiện cho NKT có cơ hội vượt qua chính mình, hòa nhập với cộng đồng, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Khánh Hòa đã dành sự quan tâm đặc biệt cho đối tượng này, thể hiện qua việc vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách, phối kết hợp tất cả các ban ngành liên quan với kỳ vọng sinh kế của NKT chuyển biến tích cực trong thời gian tới. Trên cơ sở Luật NKT năm 2010, NĐ 136/1013/NĐ-CP), Tỉnh Khánh Hòa cụ thể hóa chính sách hỗ trợ NKT bằng Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND như sau:

Bảng 1. Chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng đối với NKT (Đvt: Đồng)

TT	Chính sách áp dụng	Trợ cấp
1	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000
2	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi, người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000
3	Người khuyết tật đặc biệt nặng đang mang thai hoặc nuôi một con dưới 36 tháng tuổi	1.050.000
4	Người khuyết tật đặc biệt nặng đang mang thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi	1.200.000
5	Người khuyết tật đặc biệt nặng đang nuôi từ hai con trở lên dưới 36 tháng tuổi	1.200.000
6	Người khuyết tật nặng	450.000
7	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi, người khuyết tật nặng là trẻ em	600.000
8	Người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi một con dưới 36 tháng tuổi	900.000
9	Người khuyết tật nặng đang mang thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi	1.050.000
10	Người khuyết tật nặng đang nuôi từ hai con trở lên dưới 36 tháng tuổi	1.050.000

Nguồn: Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND Tỉnh Khánh Hòa

Với chính sách hỗ trợ như trên, NKT đã phần nào được chia sẻ một phần khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, so với chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg) thì mức sống của NKT vẫn chưa đảm bảo ở mức tối thiểu. Hơn nữa, những chính sách trên chủ yếu hỗ trợ NKT trực tiếp bằng tiền, thiếu vắng chính sách trợ giúp một cách bền vững “cho cần câu, hơn cho xâu cá”. Mặt khác, Khánh Hòa là tỉnh có địa bàn rộng, số người khuyết tật lớn, kinh phí của Tỉnh còn hạn chế nên diện hỗ trợ bao phủ vẫn chưa cao. Theo Sở LĐ-TBXH tỉnh Khánh Hòa, hiện nay, có tới 90,2% NKT trong độ tuổi lao động và có khả năng lao động nhưng chưa được tư vấn việc làm, trên 78% chưa được học nghề phù hợp, 91% không được tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ việc làm. Lý do NKT không tìm, tạo được việc làm là do thiếu vốn, phương tiện sản xuất, kỹ năng, chuyên môn, bị phân biệt kỳ thị, học vấn thấp.

3. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu thống kê mô tả cắt ngang, phân tích dựa trên dữ liệu sơ cấp, bảng câu hỏi được thiết kế thích hợp cho nhóm đối tượng cần thu thập

thông tin (Người khuyết tật), sau khi có sự đóng góp ý kiến từ các chuyên gia trong lĩnh vực trợ giúp xã hội (TGXH). Bên cạnh đó, nhật ký khảo sát cũng được thiết kế để các điều tra viên ghi lại những thông tin chi tiết, thông tin định tính về ca phỏng vấn, hỗ trợ cho việc phân tích số liệu và viết báo cáo.

3.2. Chọn huyện khảo sát

Tỉnh Khánh Hòa ưu tiên thực hiện chính sách TGXH cho những vùng khó khăn, có nhiều đối tượng thuộc diện được hưởng TGXH và phải đảm bảo tính bao phủ trên diện rộng. Vì vậy, các huyện thỏa mãn điều kiện này được xem xét, thảo luận. Các điều kiện cần thiết để thực hiện khảo sát thực tế, bao gồm sự tham gia của các bên liên quan cùng với các chuyên gia thảo luận tại Hội thảo kỹ thuật. Cuối cùng các đại biểu thống nhất lựa chọn các địa phương huyện Vạn Ninh, Huyện Khánh Vĩnh, huyện Diên Khánh, thị xã Ninh Hòa, thành phố Nha Trang.

3.3. Chọn xã khảo sát

Chọn xã khảo sát được thực hiện theo thứ tự như sau; đánh số các xã (phường) trong huyện (Thành phố/ thị xã), chọn 3 xã (phường) mỗi huyện (Thành phố/ thị xã) một cách ngẫu nhiên, kết quả sau cùng gồm có:

Bảng 2. Địa bàn khảo sát

Địa bàn	Xã/Phường		
	1	2	3
Tp Nha Trang	Vĩnh Phước	Phước Long	Vĩnh Lương
Thị xã Ninh Hòa	Ninh Đa	Ninh An	Ninh Tây
Huyện Vạn Ninh	Vạn Thạnh	TT Vạn Giã	Vạn Phú
Huyện Khánh Vĩnh	Khánh Hiệp	Khánh Thượng	Liên Sang
Huyện Diên Khánh	Diên Xuân	Diên Đồng	Diên Tân

Nguồn: Tác giả tóm tắt

3.4. Cỡ mẫu

Quy mô tối thiểu để có thể áp dụng công cụ thống kê: 30 quan sát (Hair et al., 1998). Quy mô tối thiểu để có thể suy diễn các chỉ số của mẫu thành chỉ số của tổng thể với độ tin

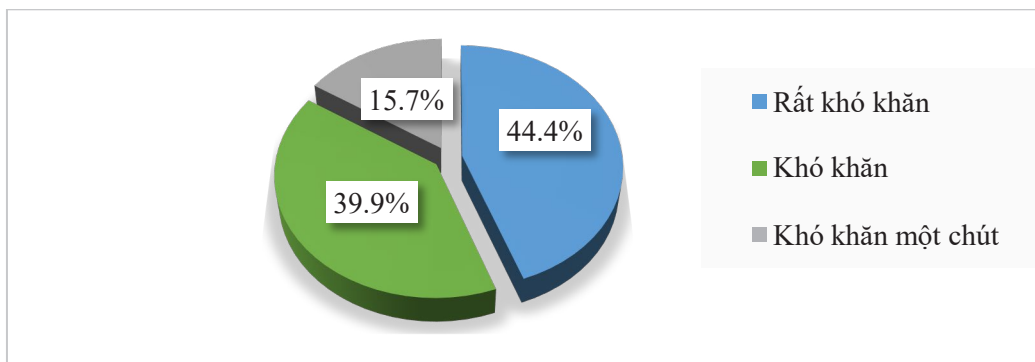
cậy 95%: từ 385 quan sát trở lên (Hair et al., 1998), khi không xác định được cỡ của quần thể nghiên cứu và chọn mẫu ngẫu nhiên đơn (hệ số thiết kế mẫu là 1). Trong nghiên cứu này thực hiện khảo sát 182 người khuyết tật thực hiện trên 15 xã/ phường.

4. Phân tích thực trạng tiếp cận TGXH của NKT

4.1. Thông tin chung sức khỏe về NKT đang được hưởng TGXH

Phần lớn NKT đang được hưởng TGXH gặp khó khăn về tình hình sức khỏe do ảnh hưởng

của khuyết tật. Dựa trên 182 mẫu khảo sát, ta thu được kết quả 396 biểu hiện, trong đó có tới 176 biểu hiện là rất khó khăn, chiếm 44,4%, số biểu hiện khó khăn lên tới 158 chiếm 39,9%, số biểu hiện ít khó khăn là 62, chiếm 15,7%.

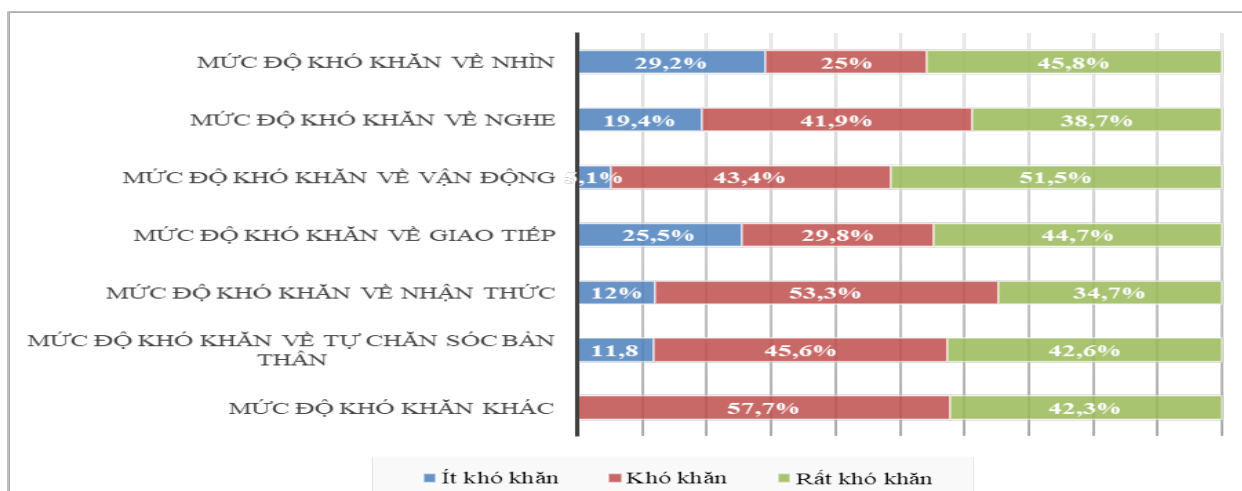


Hình 1. Các mức độ khó khăn của NKT đang được hưởng TGXH

Nguồn: Kết quả khảo sát

Khuyết tật ảnh hưởng hầu hết đến các khả năng thực hiện các chức năng của cơ thể, trong đó nhiều nhất là chức năng vận động, nhận thức và chăm sóc bản thân. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ biểu hiện khó khăn và rất khó khăn chiếm tỉ lệ lớn ở hầu hết các biểu hiện, trong đó

cao nhất là ở biểu hiện khó khăn về vận động (chiếm 94,9%), tiếp đến là biểu hiện khó khăn về nhận thức và tự chăm sóc bản thân (88,0%; và 88,2%). NKT đang được hưởng TGXH cũng gặp nhiều khó khăn trong chức năng nghe, nhìn và giao tiếp.

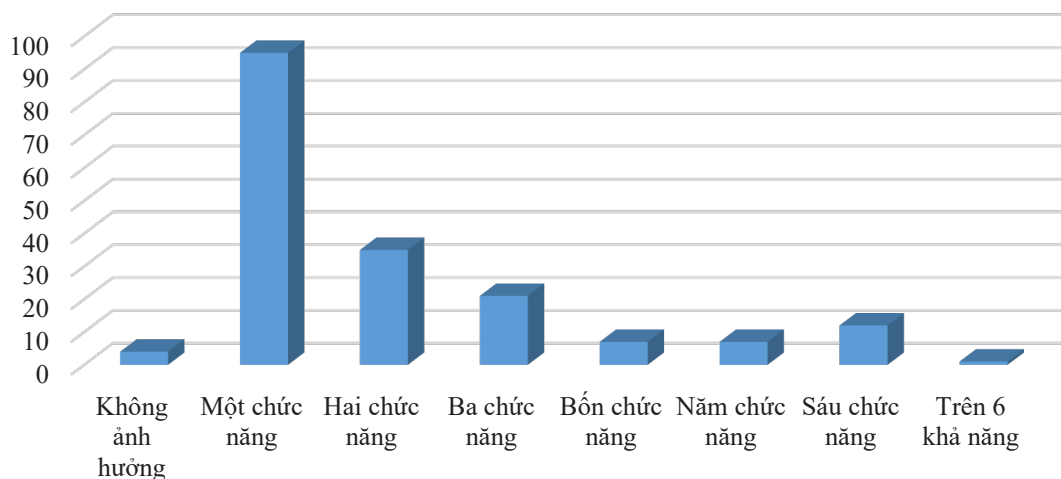


Hình 2. Ảnh hưởng của khuyết tật đến các khả năng thực hiện chức năng của NKT đang được hưởng TGXH

Nguồn: Kết quả khảo sát

Số chức năng của NKT hưởng TGXH bị ảnh hưởng nhiều nhất là 1 đến 3 chức năng. Dựa trên 182 mẫu khảo sát, có 1 trường hợp không ảnh hưởng chức năng, 95 trường hợp ảnh hưởng

đến 1 chức năng, 35 trường hợp ảnh hưởng 2 chức năng, 21 trường hợp ảnh hưởng 3 chức năng và 30 trường hợp ảnh hưởng từ 4 chức năng trở lên.



Hình 3. Số chức năng bị ảnh hưởng do khuyết tật gây ra

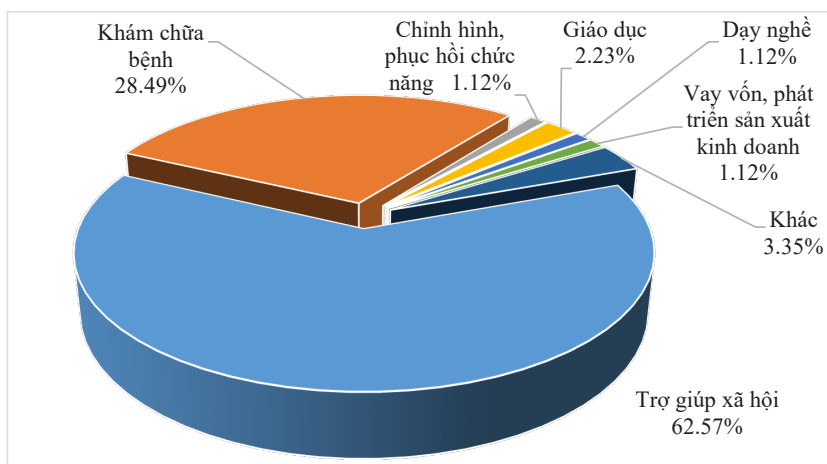
Nguồn: Kết quả khảo sát

Nhìn chung, NKT – trẻ em khuyết tật gặp nhiều khó khăn khi thực hiện các chức năng của một cơ thể bình thường. Phần lớn ảnh hưởng đến các vận động của cơ thể và ảnh hưởng đến nhiều chức năng khác nhau.

4.2. Tình hình tiếp cận TGXH của NKT đang hưởng TGXH

Hiện nay, có rất nhiều chính sách xã hội mà

Chính phủ đang áp dụng để cải thiện cuộc sống của những trẻ em khuyết tật ngoài xã hội. Các TGXH, thăm khám chữa bệnh và một số chính sách giáo dục, vay vốn, dạy nghề, v.v. Các chính sách này đa dạng, giúp nâng cao đời sống của NKT nhưng phổ biến nhất là các TGXH (62,6%) và khám chữa bệnh (28,5%). Điều đó cho thấy rằng chính sách này chính là trọng tâm trong mục tiêu TGXH cho NKT, đặc biệt là trẻ em.

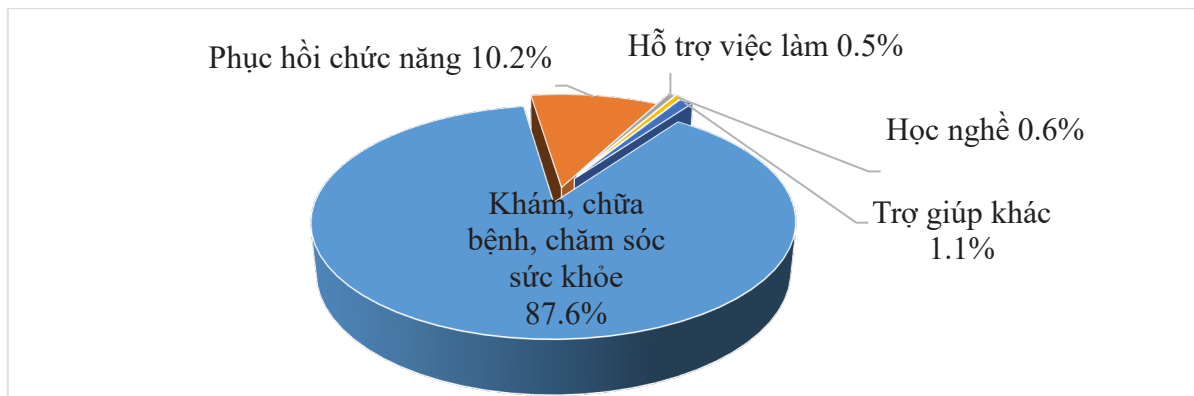


Hình 4. Những chính sách TGXH NKT biết

Nguồn: Kết quả khảo sát

Khảo sát cho thấy rằng, chính sách TGXH chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối (87,6%), trợ giúp phục hồi chức năng chiếm tỷ trọng 10,2% và các chính sách như trợ giúp về văn hóa, việc làm chiếm tỷ trọng khá nhỏ. Qua đó, ta thấy rằng chính sách được sử dụng phổ biến nhất là khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho NKT.

Ngoài ra, đây là chính sách thông dụng, mọi người biết đến nhiều nhất. Vì là trẻ em nên các chính sách về vay vốn, dạy nghề ít người biết đến, không được tuyên truyền nhiều. Ta thấy được rằng Chính phủ đang tập trung vào chính sách khám chữa bệnh nhằm giúp nâng cao đời sống của trẻ em khuyết tật nhiều nhất có thể.



Hình 5. Những chính sách xã hội NKT hưởng

Nguồn: Kết quả khảo sát

Các hỗ trợ nói trên đã góp phần cải thiện cuộc sống NKT đang hưởng TGXH nhưng chưa nhiều. Những hỗ trợ được NKT đánh giá có cải thiện và nâng cao rõ rệt cuộc sống của họ tập trung chủ yếu vào Hỗ trợ thay đổi kinh tế, Hỗ trợ thay đổi sức khỏe, Hỗ trợ thay đổi đời sống tinh thần. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 66,4% ý kiến cho rằng các hỗ trợ làm

cho cuộc sống của NKT cải thiện nhưng chưa nhiều, và chỉ có 10% ý kiến cho rằng cuộc sống của họ được nâng cao rõ rệt. Có đến 89,3% Hỗ trợ thay đổi kinh tế có làm cải thiện đến nâng cao đời sống NKT, đối với Hỗ trợ thay đổi sức khỏe là 89,4% và Hỗ trợ thay đổi đời sống tinh thần là 74,7%.

Bảng 3. Các hỗ trợ có làm thay đổi cuộc sống NKT đang hưởng TGXH (%)

Các hỗ trợ	Được nâng cao rõ rệt	Có được cải thiện nhưng chưa nhiều	Chưa đánh giá được
Chung	10,0	66,4	23,7
Hỗ trợ thay đổi kinh tế	5,7	83,6	10,7
Hỗ trợ thay đổi sức khỏe	11,3	78,1	10,6
Hỗ trợ thay đổi đời sống tinh thần	10,8	63,9	25,3
Hỗ trợ tiếp cận CNTT_TTDC	13,5	46,8	39,7
Hỗ trợ tiếp cận công trình công cộng - Giao thông	9,1	55,9	35,0

Nguồn: Kết quả khảo sát

Hỗ trợ thay đổi kinh tế. Theo mẫu khảo sát trên 182 người thu về 159 kết quả, phần lớn

người khảo sát đồng ý rằng vấn đề kinh tế đã được hỗ trợ tuy nhiên vẫn chưa có nhiều cải

thiện, chiếm 83,6%. Có 10,7% kết quả khảo sát phản ánh rằng chưa có đánh giá cụ thể về vấn đề này. Tuy không cao nhưng 5,7% đồng tình rằng đã có sự nâng cao rõ rệt về mặt kinh tế. Qua đó có thể thấy nhận được sự hỗ trợ, đời sống kinh tế của NKT được cải thiện nhưng vẫn chưa tiến triển nhiều.

Hỗ trợ thay đổi sức khỏe. Theo mẫu khảo sát trên 182 người thu về 160 kết quả thì có 78,1% đánh giá sự hỗ trợ là có nhưng chưa thực sự hoàn thiện. Trong khi đó, số người đánh giá là “đã có sự thay đổi nâng cao rõ rệt” là 11,3% và “chưa thể đánh giá” là 10,6%. Sức khỏe của NKT đã có sự đầu tư quan tâm, tuy nhiên kết quả mang lại là chưa thực sự nhiều.

Hỗ trợ thay đổi đời sống tinh thần. Phản hồi của 158 người trên 182 người khảo sát, 63,9% các câu trả lời đều nghiêng về nhận định đời sống tinh thần chưa có nhiều cải thiện, 25,3% số người trả lời chưa thể đánh giá được kết quả của sự hỗ trợ và 10,8% là một con số khiêm tốn nói lên sự nâng cao rõ rệt về mặt tinh thần từ khi có hỗ trợ. Nhìn chung đời sống tinh thần vẫn chưa được cải thiện nhiều kể từ khi nhận được sự hỗ trợ.

Hỗ trợ tiếp cận công nghệ thông tin, phương tiện truyền thông đại chúng. Căn cứ trên 141/182 hồi đáp, 66 hồi đáp (chiếm 46,8%) nhận xét rằng chưa có nhiều cải thiện. 56 câu trả lời (39,7%) vẫn chưa có nhận xét và phần lựa chọn “Được nâng cao rõ rệt” chiếm phần nhỏ nhất với 19 câu trả lời (13,5%). Biểu đồ có sự phân hóa rõ ràng và phần lớn là có cải thiện nhưng chưa nhiều.

Hỗ trợ tiếp cận công trình công cộng – giao thông. Độ tiếp cận công trình công cộng – giao thông của NKT tuy đã được cải thiện nhưng chưa thu được nhiều kết quả. 143/182 câu trả lời thu được từ cuộc khảo sát đã phản ánh rõ nét qua 3 số liệu: 55,9% cho những câu trả lời “Có cải thiện nhưng chưa nhiều”, Con số 35,0% cũng cho thấy rằng vẫn chưa có sự đánh giá khách quan, cụ thể. Tuy nhỏ nhưng 9,1% đồng tình rằng độ tiếp cận các công trình công cộng – giao thông đã thực sự chuyển biến rõ rệt theo chiều hướng đi lên. Độ tiếp cận công trình công cộng – giao thông của NKT tuy đã được cải thiện nhưng chưa thu được nhiều kết quả.

Nhìn chung các chính sách hỗ trợ có chỉ số đánh giá “Có được cải thiện nhưng chưa nhiều” nói lên rằng vẫn còn những bất cập trong việc phân bổ hỗ trợ đến NKT. Bên cạnh đó tỉ lệ “Chưa đánh giá được” vẫn còn đáng lưu ý ở một số chính sách hỗ trợ. Có thể nói hai hướng giải quyết cần đưa ra hiện tại là làm sao nâng tỉ lệ “Được nâng cao rõ rệt” từ “Có được cải thiện nhưng chưa nhiều” và làm giảm tỉ lệ “Chưa đánh giá được”.

4.3. Thực trạng nhu cầu, kỳ vọng NKT

Tổng quan chung thì phần lớn NKT biết về sự tồn tại của luật, nghị định cho NKT tuy nhiên không quá cao. Đa phần những người được khảo sát nắm được các hỗ trợ của Nhà nước trợ giúp cho NKT nhưng vẫn còn đến 40,7% không nhận được sự hỗ trợ, quan tâm của Nhà nước.

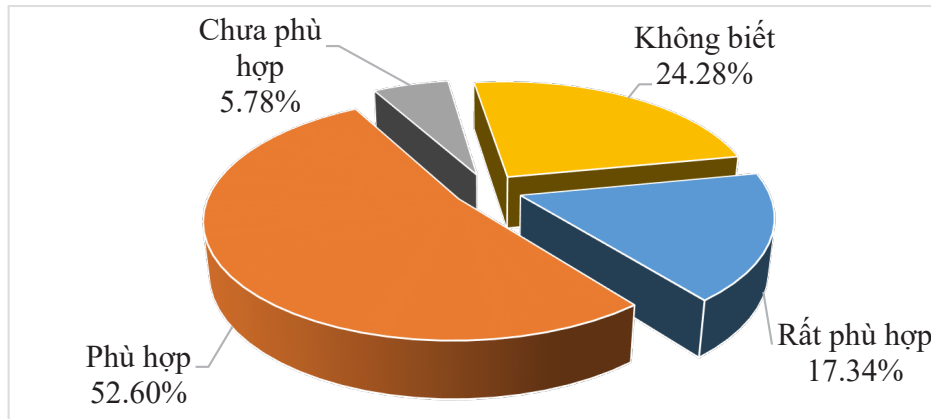
Bảng 4. Hiểu biết về luật, nghị định và các hỗ trợ cho NKT

Hiểu biết về hỗ trợ của Nhà nước cho NKT	Không	Có
Việt Nam có luật, nghị định cho NKT	62,7	37,3
Nắm được các hỗ trợ của Nhà nước	40,7	59,3

Nguồn: Kết quả khảo sát

Phần lớn các hỗ trợ của Nhà nước cho NKT đang hưởng TGXH là phù hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 52,6% NKT khảo sát đánh giá rằng những hỗ trợ của Nhà nước là phù hợp, 17,3% phản hồi cho rằng những chính sách hỗ trợ rất phù hợp với tình hình hiện tại. Tuy

nhien, những đánh giá “Không biết” và chưa phù hợp vẫn còn cao (30,1%). Từ đó, ta có thể thấy được rằng mức “Phù hợp” chiếm phần lớn. Đây là một tín hiệu cho thấy các chính sách hỗ trợ đang đi đúng hướng và cần phát huy tốt hơn để nâng tỉ lệ “Rất phù hợp” lên cao nhất có thể.



Hình 6. Đánh giá của NKT đang hưởng TGXH về tính phù hợp các hỗ trợ

Nguồn: Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát về nhu cầu, kỳ vọng của NKT cho thấy trong 161 ý kiến trả lời phần lớn họ mong muốn được khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe (chiếm 79,5%), tiếp đến là mong muốn hỗ trợ việc làm (8,1%), còn lại những

mong muốn khác chiếm tỷ lệ thấp hơn; trợ giúp học nghề chiếm 1,9%; chỉnh hình phục hồi chức năng là 3,1%; trợ giúp văn hóa là 1,2% và trợ giúp khác chiếm 6,2%.

Bảng 5. Nhu cầu và kỳ vọng của NKT

Mong muốn	Tần số	Phần trăm	Tích lũy
Khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe	128	79.5	79.5
Chỉnh hình, phục hồi chức năng	5	3.1	82.6
Trợ giúp học văn hóa	2	1.2	83.9
Trợ giúp học nghề	3	1.9	85.7
Trợ giúp việc làm	13	8.1	93.8
Trợ giúp khác	10	6.2	100.0
Tổng	161	100.0	

Nguồn: Kết quả khảo sát

Do đó, cần có những chính sách, và đội ngũ cán bộ thực hiện công việc khám, chữa bệnh,

chăm sóc sức khỏe cho những NKT vì đây sẽ là mong muốn lớn nhất của nhóm NKT.

5. Một số giải pháp thực hiện TGXH cho NKT

Nhằm mục đích hỗ trợ NKT phát huy khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu bản thân; tạo điều kiện để NKT vươn lên tham gia bình đẳng vào các hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng và xã hội. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như sau:

Can thiệp sớm những khuyết tật thân thể, phẫu thuật chỉnh hình và cung cấp dụng cụ trợ giúp cho NKT

Tỉnh cần triển khai thực hiện chương trình can thiệp sớm, phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp NKT, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở. Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Tiếp cận giáo dục

Hỗ trợ triển khai giáo dục hòa nhập ở các cấp học thông qua việc xây dựng chương trình, tài liệu; bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý tham gia giáo dục trẻ khuyết tật; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên trực tiếp dạy trẻ khuyết tật trí tuệ, khuyết tật nghe, nói, khuyết tật nhìn, khuyết tật ngôn ngữ, tự kỷ. Nghiên cứu biên soạn, sản xuất, cung ứng các tài liệu học tập hỗ trợ cho học sinh khiếm thính, sách chữ nổi cho học sinh khiếm thị, học sinh khuyết tật. Xây dựng, thiết kế các cơ sở đào tạo phù hợp với đặc điểm NKT, tạo điều kiện để họ tiếp thu kiến thức một cách tốt, thuận lợi nhất.

Dạy nghề, tạo việc làm

Cần có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy nghề và tư vấn viên việc làm cho NKT. Phải thực hiện những khảo sát nhu cầu việc làm theo các ngành nghề tại địa phương, từ đó sẽ tư vấn học nghề, việc làm theo khả năng của NKT phù hợp với thể mạnh của

tỉnh. Mặt khác, nghiên cứu xây dựng và nhân rộng mô hình dạy, học nghề gắn với tạo việc làm cho NKT.

Trợ giúp pháp lý

Tổ chức tuyên truyền pháp luật về NKT và những chủ trương, chính sách, chương trình trợ giúp NKT. Xây dựng các chương trình, giáo trình, tài liệu và tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý và các thành viên Ban chủ nhiệm câu lạc bộ trợ giúp pháp lý cho NKT. Tổ chức thường xuyên các lớp về luật trẻ em, luật NKT để họ biết được những quyền và nghĩa vụ khi tham gia các hoạt động cộng đồng.

Hỗ trợ NKT trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch

Thành lập các nhóm, hội thể thao dành cho NKT, lựa chọn những môn thể thao thể mạnh phù hợp với từng đối tượng tạo điều kiện để NKT tham gia thi đấu thể thao trong nước và ngoài nước.

Nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ NKT

Tuyên truyền chính sách trợ giúp NKT, quyền và trách nhiệm của NKT đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân, gia đình và bản thân NKT; tuyên truyền, giáo dục bình đẳng giới, phòng chống bạo lực, chống phân biệt đối xử đối với NKT là phụ nữ, trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số. Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ NKT. Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp NKT.

Tập huấn cho gia đình NKT về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho NKT; tập huấn các kỹ năng sống cho NKT để họ có thể tự chăm sóc bản thân một cách khoa học, tự rèn luyện sức khỏe để họ cảm thấy tự tin hơn khi tham gia các hoạt động cộng đồng.

Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

Nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ NKT tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông. Địa phương cần phát triển cơ sở dữ liệu, trang tin về NKT, để họ có thể dễ dàng kết nối giao lưu trao đổi và chia sẻ lẫn nhau. Xây dựng nội dung đào tạo, hướng nghiệp theo các hình thức đào tạo mới cho NKT dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông.

Nguồn lực hỗ trợ NKT

Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế, thu hút các chương trình, dự án, sáng kiến của các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài vào hoạt động trợ giúp NKT. Đối với trong nước, tuyên truyền các chính sách trợ giúp NKT, quyền và trách nhiệm của NKT đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân, các mạnh thường quân. Đặc biệt là tuyên truyền phát huy truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam “lá lành đùm lá rách”, qua đó huy động mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia trợ giúp NKT.

Tài liệu tham khảo

Điều tra Quốc gia người khuyết tật năm 2016. Nhà xuất bản Thống kê.

Friedman, C., & Owen, A. L. (2017). Defining disability: Understandings of and attitudes towards ableism and disability. *Disability Studies Quarterly*, 37(1).

Grönvik, L. (2009). Defining disability: Effects of disability concepts on research outcomes. *International Journal of Social Research Methodology*, 12(1), 1-18.

Hệ thống các chính sách trợ giúp xã hội. (2018). Nhà xuất bản Thống kê.

Luật Người khuyết tật năm 2010.

Nghị định số 136/2013/NĐ-CP về việc Quy định chính sách trợ giúp xã hội.

Nguyễn, T. Q. (2015). Quyền làm việc của người khuyết tật tại Việt Nam.

Woodhams, C., & Corby, S. (2003). Defining disability in theory and practice: A critique of the British Disability Discrimination Act 1995. *Journal of Social Policy*, 32, 159.

Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND về việc Quy định mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.